TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – AN GIANG** --- *Bản án số: **12**/2026/HNGĐ-ST* *Ngày: 13/01/2026* *V/v:"Tranh chấp ly hôn"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Hà Ứng Cương**

2. Ông **Nguyễn Duy Khương**

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang tham gia phiên tòa*: Ông **Trần Minh Hưởng** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thuý H**, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp T, xã TH, tỉnh AG.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Văn M,** sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp T, xã TH, tỉnh AG.

(Chị H có mặt, anh M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuý H trình bày:***

Chị Nguyễn Thị Thuý H và anh Trần Văn M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Trong thời gian chung sống chị và anh Trần Văn M có 02 con chung gồm: cháu Trần Hồng P, sinh ngày 12/3/2005

và cháu Trần Trúc A, sinh ngày 15/6/2007; về tài sản chung: không có; nợ chung không có.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên gần đây có nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống. Nguyên nhân là do anh M gây ra nợ nần và chị nhiều lần đứng ra trả nợ giúp anh. Sau đó chị H đã nhiều lần nói chuyện với anh M để hàn gắn nhưng vẫn không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng, chị đã sống ly thân anh M từ tháng 3/2024 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn kéo dài không thể giải quyết được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn M;

- Về con chung: Có 02 con chung gồm: cháu Trần Hồng P, sinh ngày 12/3/2005 và cháu Trần Trúc A, sinh ngày 15/6/2007 nay đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về nợ chung: Cam kết là không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**** Bị đơn anh Trần Văn M:*** Đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các thủ tục đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nhưng anh Trần Văn M vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

**** Tại Biên bản xác minh ngày 21/11/2025 đối với Trưởng Ban Lãnh Đạo ấp Thạnh Đông, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang:***

Trưởng Ban lãnh đạo ấp Thạnh Đông, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang xác nhận đương sự Trần Văn M hiện tại không có mặt tại địa phương vì đi làm ăn xa nhưng thỉnh thoảng vẫn về thăm gia đình. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đương sự thì ở địa phương không biết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm Phán, Hội Đồng xét xử, Thư ký phiên toà: thì thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên: Về trình tự thụ lý: Tòa án đã nhận đơn khởi kiện ngày 08/10/2025, đến ngày 24/10/2025 chánh án ra QĐ phân công thẩm phán xem xét đơn khởi kiện, là chưa đúng quy định tại khoản 2, Điều 191 BLTTDS. Thẩm phán ra thông báo về việc nộp tạm ứng án phí ngày 09/10/2025, nguyên đơn đã đóng và nộp biên lai cho Tòa án cùng ngày. Nhưng đến 24/10/2025 Tòa án mới ra Thông báo thụ lý vụ án (thời gian này đã hết 07 ngày, kể từ ngày thông báo nộp tiền tạm ứng án phí thì tòa phải trả đơn theo điểm d, khoản 1 Điều 192 BLTTDS), là thực hiện chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 195 BLTTDS. Thẩm phán thụ lý và giao

nhận thông báo về việc thụ lý vụ án cho các đương sự, và VKS đúng theo quy định khoản 1, Điều 196 BLTTDS 2015 sửa đổi, bổ sung 2025 nhưng việc niêm yết thủ tục Thông báo thụ lý vụ án đối với bị đơn là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 179 BLTTDS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS 2015.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 28, 35, 39 B:TTDS 2015, Điều 9, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuý H, Về hôn nhân: cho chị H ly hôn với anh M; về con chung: 02 con chung đã trưởng thành và không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết, về tài sản chung: tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết; về nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết;

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thuý H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn M nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "*Tranh chấp ly hôn*", bị đơn anh Trần Văn M có nơi cư trú tại ấp Thạnh Đông xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Anh Trần Văn M chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thuý H, mặc dù Toà án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh M vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn, do đó căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thuý H và anh Trần Văn M chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại xã Thạnh

Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, do đó quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Thuý H và anh Trần Văn M là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Nguyễn Thị Thuý H trình bày trong thời gian chung sống chị và anh Trần Văn M sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm với nhau, anh M gây nợ nần và chị đã nhiều lần khuyên can anh nhưng không được nên từ đó anh chị đã ly thân từ tháng 3/2024 đến nay. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thuý H xác định hiện nay không còn tình cảm với anh Trần Văn M và kiên quyết xin ly hôn, từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thuý H và anh Trần Văn M không có khả năng đoàn tụ, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thuý H đối với anh Trần Văn M theo quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị Thuý H và anh Trần Văn M có 02 con chung là Trần Hồng P, sinh ngày 12/3/2005 và Trần Trúc A, sinh ngày 15/6/2007 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập anh M đúng theo quy định pháp luật nhưng anh M vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án không tiến hành hoà giải, không tiến hành đối chất được về tài sản chung và nợ chung giữa chị H và anh M. Đồng thời tại Toà án cũng như tại phiên toà chị H xác nhận trong thời gian chung sống cùng anh M thì anh chị có tạo lập được tài sản chung nhưng anh chị tự thoả thuận và cam kết anh chị không có nợ ai nên chị H không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết. Do đó, về tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét. Tuy nhiên về trình tự thủ tục tố tụng, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

Về việc Toà án thụ lý vụ án quá 07 ngày kể từ ngày nguyên đơn nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí nhưng Toà án vẫn thụ lý mà không trả lại đơn khởi kiện. Hội đồng xét xử thấy rằng tuy có vi phạm về thời gian thụ lý vụ án nhưng không thuộc trường hợp trả lại đơn khởi kiện quy định tại Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và việc vi phạm thời gian thụ lý vụ án nêu trên không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án, do đó Toà án sẽ rút kinh nghiệm sau.

Về việc niêm yết các Thông báo, Quyết định cho bị đơn thì *việc niêm yết thủ tục Thông báo thụ lý vụ án đối với bị đơn là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 179 BLTTDS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025"*. Hội đồng xét xử nhận thấy Toà án đã thực hiện niêm yết đủ và đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, cụ thể là niêm yết bản chính *Thông báo thụ lý vụ án , Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà* tại trụ sở Toà án, UBND xã Tân Hiệp, tại nhà bị đơn (nơi cư trú của bị đơn) nhưng Toà án đã kết hợp các nội dung niêm yết nêu trên vào trong 01 Biên bản niêm yết, tuy nhiên không thể xác định việc niêm yết như trên là vi phạm Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vì việc niêm yết gộp biên bản như nêu trên không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án, do đó Toà án sẽ rút kinh nghiệm sau.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuý H về việc tranh chấp ly hôn với anh Trần Văn M.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thuý H là nguyên đơn trong vụ án nên chị H phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và đình năm 2014; điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuý H

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thuý H được ly hôn với anh Trần Văn M.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Trần Hồng P, sinh ngày 12/3/2005 và Trần Trúc A, sinh ngày 15/6/2007 nay đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thuý H xác định sẽ tự thoả thuận về tài sản chung và cam kết anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thuý H phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003719 ngày 09/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang, chị H không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *VKSND khu vực 3 – An Giang;*
- *THADS tỉnh An Giang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Danh Phạm Ngọc Khánh